



**CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019**  
**TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CTCP**

Ngày 17 tháng 05 năm 2019

<b>1. Phát Nghị thức</b>		
▪ Tiếp đón khách mời, đại biểu và phát tài liệu	BTC	09:15 – 09:30
▪ Tuyên bố lý do và giới thiệu thành phần tham dự	Anh Thập	09:30 – 09:40
▪ Báo cáo thăm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội		
▪ Giới thiệu Đoàn Chủ tịch		
<b>2. Nội dung đại hội</b>		
▪ Giới thiệu và biểu quyết thông qua: Ban thư ký, Ban kiểm phiếu và Ban giám sát	Anh Cường	09:40 – 09:45
▪ Thông qua chương trình Đại hội		
▪ Thông qua Quy chế làm việc của Đại hội	Anh Dũng	09:45 – 09:50
▪ Báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ Năm 2018;	Chị Diệu	09:50 – 10:10
▪ Kế hoạch và giải pháp thực hiện kế hoạch Năm 2019;	Anh Lân	10:00 – 10:10
▪ Báo cáo tình hình giám sát hoạt động của HĐQT; kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh; hoạt động tài chính Năm 2018 của Ban Kiểm Soát	Anh Hải	10:10 – 10:20
▪ Tờ trình trích lập quỹ và chia cổ tức năm 2018;	Anh Thập	10:20 – 10:25
▪ Tờ trình dự kiến trích lập quỹ và chia cổ tức năm 2019;		
<b>3. Cổ đông thảo luận và biểu quyết các nội dung của Đại hội (đánh dấu phiếu biểu quyết)</b>	Cổ đông	10:25 – 10:45
<b>4. Phát biểu thảo luận và Giải đáp những thắc mắc của cổ đông</b>	Chủ tịch	
<b>5. Công bố kết quả kiểm phiếu biểu quyết các nội dung đại hội.</b>	Anh Dũng	10:45 – 10:50
<b>6. Thông qua biên bản Đại Hội</b>	Thư ký	10:50 – 10:55
<b>7. Biểu quyết thông qua các nội dung của đại hội</b>	Anh Cường	10:55– 11:00
<b>8. Bế mạc Đại hội</b>	Anh Thập	11:00

*Handwritten mark*

Tp.HCM, ngày 03 tháng 05 năm 2019

## QUY CHẾ LÀM VIỆC CỦA ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2019 TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CTCP

- Căn cứ Quyết định của Chủ tịch HĐQT ngày 03/04/2019 về việc tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 Tổng Công ty May Nhà Bè – CTCP (gọi tắt là Tổng công ty);
- Ban tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 kính trình Đại hội biểu quyết thông qua Quy chế làm việc như sau:

### Điều 1. Mục tiêu

- Đạt được sự đồng thuận cao nhất của cổ đông để hoàn thành nhiệm vụ của Đại hội đề ra;
- Đảm bảo nguyên tắc làm việc công khai, công bằng, dân chủ và đoàn kết;
- Vì quyền lợi của cổ đông và đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững của Tổng Công ty.

### Điều 2. Điều kiện tiến hành Đại hội

- ĐHĐCĐ thường niên được tiến hành khi có số cổ đông hoặc đại diện cổ đông tham dự đại diện ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng Công ty.

### Điều 3. Trật tự của Đại hội

- Cổ đông mặc trang phục chỉnh tề;
- Giữ trật tự và tư cách nghiêm túc trong giờ họp, không hút thuốc lá, sử dụng điện thoại di động lịch sự, tôn trọng văn hóa giao tiếp hòa nhã thân thiện; không được bỏ về giữa giờ khi chưa có sự đồng ý của chủ tọa đoàn.

### Điều 4. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội

- **Nguyên tắc:** Theo chỉ định của Chủ tịch đoàn cần lấy biểu quyết các vấn đề trong Đại hội sẽ tiến hành biểu quyết công khai bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết do Ban tổ chức Đại hội phát ra.
- **Cách biểu quyết:** Đại hội biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình Đại hội. Với mỗi nội dung cần biểu quyết Cổ đông thống nhất ý kiến bằng cách giơ thẻ biểu quyết, cổ đông không giơ thẻ biểu quyết được xem như không có ý kiến, trong lúc biểu quyết cổ đông ra ngoài được xem như đồng ý nội dung cần biểu quyết. Ngoài ra có một số nội dung cần biểu quyết bằng phiếu biểu quyết, cổ đông đánh dấu vào một trong hai ô:  đồng ý hoặc  không đồng ý.

### Điều 5. Phát biểu ý kiến tại đại hội

- **Nguyên tắc:** Cổ đông tham dự Đại hội viết phiếu đăng ký phát biểu ghi rõ nội dung, thời lượng gửi về Ban Thư ký và chỉ khi được sự đồng ý của Chủ tọa đoàn mới được phát biểu.
- **Cách thức phát biểu:** Cổ đông phát biểu ngắn gọn và tập trung vào nội dung đã đăng ký, thuộc phạm vi chương trình nghị sự của Đại hội. Chủ tọa đoàn tiếp thu và giải đáp; Chủ tọa đoàn có quyền đề nghị ngừng phát biểu nếu ý kiến cổ đông có ảnh hưởng xấu đến tiến trình Đại hội.



## Điều 6. Trách nhiệm của Chủ tọa đoàn:

- Chủ tọa đoàn gồm 01 người;
- Điều khiển đại hội theo đúng nội dung chương trình nghị sự, các qui chế, thể lệ đã được Đại hội thông qua. Chủ tọa đoàn làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và quyết định theo đa số;
- Hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề trong nội dung chương trình nghị sự của Đại hội và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình Đại hội;
- Giải quyết các vấn đề phát sinh (nếu có) trong quá trình diễn ra Đại hội.

## Điều 7. Trách nhiệm của Ban thư ký, Ban thẩm tra tư cách cổ đông, Ban kiểm phiếu

- **Ban thư ký** gồm hai người do Chủ tọa đoàn giới thiệu, chịu trách nhiệm trước Chủ tọa đoàn và ĐHĐCĐ về nhiệm vụ của mình; ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến Đại hội và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua kể cả các vấn đề còn bảo lưu tại Đại hội; tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu của các cổ đông; soạn thảo biên bản họp và Nghị quyết ĐHĐCĐ đã được thông qua tại Đại hội.
- **Ban thẩm tra tư cách cổ đông** gồm ba người giúp Đoàn chủ tịch kiểm tra tư cách của cổ đông; báo cáo kết quả thẩm tra tư cách đại biểu cổ đông tham dự.
- **Ban Kiểm phiếu** gồm ba người do Đoàn chủ tịch đề cử và Đại hội biểu quyết thông qua có nhiệm vụ tổng hợp kết quả biểu quyết của Đại hội và thực hiện các công việc khác theo phân công của Đoàn chủ tịch.

## Điều 8. Biên bản họp ĐHĐCĐ

- Tất cả các nội dung tại cuộc họp ĐHĐCĐ phải được Ban thư ký của Đại hội ghi vào biên bản. Biên bản họp được đọc và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp và phải được công bố thông tin theo đúng quy định.

## Điều 9. Hiệu lực thi hành

- Quy chế này gồm có 9 điều và có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội biểu quyết thông qua;
- Cổ đông hoặc đại diện cổ đông và các thành viên tham dự Đại hội có trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH *Hau*



PHẠM PHÚ CƯỜNG



TP.HCM, ngày 02 tháng 05 năm 2019

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018  
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**1. Tổng quan về tình hình thực tế**

- Kinh tế - xã hội Việt Nam năm 2018 diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới tăng trưởng chậm lại và tiềm ẩn nhiều yếu tố khó lường. Thương mại toàn cầu tăng chậm hơn dự báo do những thay đổi trong chính sách thương mại của Mỹ, chiến tranh thương mại Mỹ - Trung ngày càng diễn biến phức tạp. Lạm phát toàn cầu những tháng đầu năm có xu hướng tăng cao hơn năm 2017 do giá năng lượng, đặc biệt là giá dầu bình quân tăng mạnh.
  - Bên cạnh đó, căng thẳng thương mại giữa các nước lớn cùng với xu hướng gia tăng chủ nghĩa bảo hộ mậu dịch có tác động đến sản xuất, xuất khẩu của Việt Nam và các nước trong khu vực. Trong nước, bên cạnh những thuận lợi từ kết quả tích cực trong năm 2017, nền kinh tế Việt Nam cũng đối mặt với tình hình, diễn biến phức tạp, tác động đến giá lương thực, thực phẩm, ảnh hưởng tới mục tiêu kiểm soát lạm phát; giải ngân vốn đầu tư công đạt thấp.
  - Trước những khó khăn trên, nhờ vào sự chỉ đạo quyết liệt và tập trung thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp vì vậy Kinh tế Việt Nam đã chuyển biến tích cực và đạt nhiều kết quả khởi sắc trên cả ba khu vực sản xuất - cung - cầu của nền kinh tế cùng song hành phát triển. Tăng trưởng kinh tế năm 2018 đạt 7,08% so với năm 2017 - mức tăng cao nhất 11 năm qua. Chất lượng tăng trưởng và môi trường đầu tư kinh doanh được cải thiện, doanh nghiệp thành lập mới tăng mạnh. Nền tảng kinh tế vĩ mô được củng cố và từng bước được tăng cường. Tỷ lệ thất nghiệp, thiếu việc làm có xu hướng giảm dần. An sinh xã hội được quan tâm thực hiện.
  - Với bề dày kinh nghiệm của một doanh nghiệp có lịch sử hơn 40 năm hình thành và phát triển, thêm vào đó là cơ chế hoạt động chủ động, linh hoạt và sự quyết liệt của HĐQT, Ban điều hành cùng sự sáng tạo, đoàn kết, thống nhất của toàn thể CB-CNV NBC là sức mạnh nội lực tổng hợp to lớn giúp NBC hoàn thành tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2018.
- ▶ Tổng kết năm 2018, Tổng lợi nhuận trước thuế đạt 89,7 tỷ đồng.



## 2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018:

TT	Diễn giải	Đvt	KH 2018	TH 2018	% TH/KH
1	Doanh thu CM	USD	27,815,000	24,816,286	89%
2	Tổng thu nhập	Tr.đ	3,500,000	3,653,810	104%
3	Lãi gộp	"	148,000	149,780	101%
	- Khấu hao	"	60,000	60,102	100%
	- Lợi nhuận trước thuế	"	88,000	89,678	102%
	- Lợi nhuận sau thuế	"	74,800	73,820	100%
4	Đầu tư	"	30,152	48,912	162%
5	Kim ngạch xuất nhập khẩu	1000USD			
	- Kim ngạch XK tính đủ	"	817,000	741,191	91%
	- Kim ngạch NK tính đủ	"	102,000	90,153	88%
6	Lao động bình quân	Người	5,100	4,643	91%
7	Thu nhập bình quân	1000đ/ng	8,800	8,700	99%
	<i>Trong đó : Tiền lương</i>	"	6,500	7,300	112%
8	Vốn điều lệ	Tr.đ	182,000	182,000	100%
9	LNST/VDL	%	40.66%	40.56%	100%
10	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng	4,066	4,056	100%
11	Tỷ lệ chia cổ tức	%	20%-25%	25%	100%
12	Nộp ngân sách	Tr.đ	50,000	57,554	115%

## 3. Những việc đã làm được trong năm 2018:

### • Đối với bộ phận phục vụ:

- Vẫn tiếp tục và giữ vững là một trong những đơn vị hàng đầu của ngành Dệt may Việt nam trong việc phát triển và áp dụng công nghệ mới vào tổ chức sản xuất, phát triển thương hiệu, khẳng định vị thế của mình. Năm 2018 NBC vinh dự đón nhận nhiều danh hiệu thi đua: Cờ thi đua của chính phủ; Top 10 thương hiệu mạnh Đất Việt năm 2018, Thương hiệu quốc gia, Top 10 doanh nghiệp tiêu biểu vì người lao động; Thương hiệu – nhãn hiệu tin dùng;
- Tăng cường đẩy mạnh phát triển phương thức FOB, ODM nhằm hoàn thiện chuỗi cung ứng trọn gói góp phần nâng cao giá trị sản xuất, tăng sức cạnh tranh, tạo thế đứng vững trên thị trường;
- Hoàn thiện hơn nữa mô hình quản lý hiện đại ERP, cải tiến thủ tục hành chính bằng hình thức ký điện tử tất cả chứng từ nội bộ và luân chuyển chứng từ qua mạng, quản lý bằng phần mềm NBC-eOffice.

### • Công tác Sản xuất :

- Năm 2018, NBC tiếp tục triển khai và thực hiện thành công mô hình sản xuất tinh gọn LEAN trên toàn hệ thống, liên tục loại bỏ tất cả những lãng phí trong quá trình sản xuất, giảm thiểu thời gian chờ đợi giữa các công đoạn, tuy nhiên vẫn chưa thực sự đạt được kỳ vọng đặt ra, Khu 2 và Khu 3 chỉ đạt từ 90 đến 95% kế hoạch, Khu 1 đạt 101% kế hoạch với NSLĐ đạt 716 USD/người;
- Phòng FOB, ODM, Kinh Doanh Thị Trường đã nỗ lực tìm kiếm phát triển các đơn hàng để duy trì ổn định sản xuất, chấp nhận những đơn hàng khó, chất lượng cao;

003  
 NG C  
 M  
 JHÀ  
 CÔN  
 CỔ P  
 >-TP

đồng thời đã phát triển đội ngũ nhân lực vững chắc góp phần vào sự phát triển công tác thị trường ngày càng đi vào ổn định một cách bền vững;

- Kiểm tra liên tục hệ thống quản trị chất lượng, 5S, Lean, an toàn vệ sinh lao động, chấp hành tốt luật bảo vệ môi trường, luật PCCC, điển hình Khu 1 là đơn vị dẫn đầu đã hoàn thành xuất sắc kế hoạch và được Ban Lãnh Đạo tuyên dương khen thưởng kịp thời, Khu 3 là đơn vị có nhiều đột phá trong công tác sản xuất.
- Nhiều cải tiến và sáng kiến trong sản xuất đã góp phần tăng năng suất lao động.

• **Công tác đầu tư mở rộng:**

- Trong năm 2018 Tổng Công ty đã đầu tư, góp vốn vào Cty CP May Nhà Bè – Sóc Trăng. Tháng 6/2018, Cty CP May Nhà Bè – Sóc Trăng chính thức đi vào hoạt động mở rộng thị trường miền Tây Nam Bộ.
- Thực hiện nhiều dự án đầu tư chiều sâu thay thế các máy móc thiết bị, công nghệ sản xuất hiện đại, tự động hóa cao theo xu thế phát triển công nghệ hiện nay để đảm bảo đạt năng suất theo kỳ vọng và chất lượng sản phẩm được nâng cao.
- Những khoản đầu tư của NBC đều mang tầm nhìn chiến lược dài hạn nên đã và đang góp phần gia tăng năng lực chuỗi sản xuất cung ứng và mạng lưới thị trường, khách hàng hiện có của NBC.

• **Công tác thị trường :**

▪ *Đối với thị trường nước ngoài:*

- Đã phát triển ổn định những nhà nhập khẩu lớn như: JCPenny, H&M, Arcadia, Primark, GROSSOMODA, BMB, Carmel, Canda, Generos, Motives, JP Global, Polaris,...
- Đã phát triển một số khách hàng tiềm năng như: Alison Hays, Republic, Zenze
- Tiếp cận và phát triển khách hàng từ thị trường lớn Trung Quốc, Hàn Quốc;
- Phát triển đơn hàng với khách hàng từ EU, đón đầu cho hiệp thương mại EU;
- Tiếp tục phát triển mạnh hơn nữa hàng FOB ký trực tiếp và ODM

▪ *Đối với thị trường trong nước:*

- Tiếp tục phát triển bền vững thông qua việc liên tục nghiên cứu, phát triển kiểu dáng, mẫu mã và chủng loại nguyên phụ liệu phù hợp với nhu cầu và xu thế của thời trang trong nước;
- Tiếp tục mở rộng các kênh phân phối, củng cố và tăng cường kỹ năng của nhân viên bán hàng ngày càng chuyên nghiệp góp phần vào việc đưa thương hiệu của các sản phẩm của Tổng Cty vào tâm trí người tiêu dùng trong nước ngày càng sâu rộng hơn

• **Công tác tài chính :**

- Cân đối và sử dụng vốn vay hợp lý cho sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao;
- Tái cơ cấu vốn tại một số đơn vị để đạt hiệu quả cao nhất.
- Đã giao khoán cho các đơn vị, tuy nhiên kết quả chưa đạt được kỳ vọng theo chỉ tiêu khoán do Tổng Giám Đốc giao.

• **Công tác chăm lo đời sống cho Cán bộ Công nhân viên :**

- Chính sách lương thưởng của Tổng công ty được áp dụng theo nguyên tắc: gắn liền lương với chất lượng, năng suất, và hiệu quả làm việc của mỗi người. Bên cạnh đó Tổng công ty luôn chú trọng hài hòa lợi ích của doanh nghiệp và phúc lợi của người lao động;

988  
ÔNG  
Y  
B  
G T  
HẮN  
HỒC

- Đã chăm lo Tết Nguyên Đán 2018 cho người lao động tăng hơn 10% so với năm 2017, với mức thưởng bình quân 16,5 trđ/người;
- Tổ chức đối thoại, giải thích, tuyên truyền cho CBCNV về các chủ trương, chính sách lớn của nhà nước, của HĐQT và Ban Tổng Giám Đốc tạo sự đồng thuận trong toàn thể CBCNV;
- NBC luôn chú trọng tới công tác chăm lo đời sống cho người lao động như: tạo môi trường làm việc tốt để người lao động yên tâm công tác, cải thiện bữa ăn giữa ca cho người lao động, tổ chức ăn bồi dưỡng cho người lao động lâu năm có sức khỏe kém, tặng quà các ngày lễ, Tết, hỗ trợ cho người lao động bị bệnh hiểm nghèo, có hoàn cảnh khó khăn, xây nhà tình thương, phụ cấp thâm niên...

• **Một số công việc lớn khác đã thực hiện được :**

- Ngày hội gia đình NBC được tổ chức vào ngày 07/01/2019, với chủ đề **“Bình An và Hạnh Phúc”** và lễ phát động phong trào thi đua năm 2019 với thông điệp “Sáng tạo – Phát triển” diễn ra trong không khí sôi nổi, vui tươi, ấm áp với sự tham gia của toàn thể CB-CNV. Đây là chương trình thường niên của NBC nhằm động viên CB-CNV hăng say lao động sản xuất, thắt chặt tình đoàn kết trong tập thể gần 30.000 người;
- Bên cạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, NBC luôn luôn quan tâm và hưởng ứng tích cực các hoạt động xã hội từ thiện hướng về cộng đồng: hỗ trợ xây dựng nhà tình thương, hỗ trợ sửa chữa mái ấm công đoàn; phụng dưỡng Mẹ Việt Nam Anh Hùng; trao tặng học bổng chấp cánh ước mơ, học bổng cho trẻ em nghèo, gia đình khó khăn... Đồng hành cùng Tổng Công ty còn có các tổ chức đoàn thể như Đoàn Thanh Niên, Công Đoàn...cũng có những hoạt động thiết thực chăm lo tốt đời sống cho người lao động;

**4. Kết luận:**

Để có được kết quả sản xuất kinh doanh thành công, đồng thời gia tăng giá trị Tổng công ty trên các mặt như uy tín đối với khách hàng, đối tác, các cấp chính quyền; uy tín với các tổ chức tín dụng. Đó là nhờ vào sự đồng thuận của Ban lãnh đạo Tổng Công ty; sự kiên trì, nỗ lực phấn đấu, nhiệt huyết trong lao động; sự tìm tòi, sáng tạo không ngừng nâng cao hiệu quả và đặc biệt là sự đoàn kết gắn bó của đội ngũ CB-CNV trong toàn Tổng Công ty.

Bên cạnh những quyết tâm và năng lực, chương trình hành động của Ban lãnh đạo và toàn thể CB – CNV còn phải kể đến vai trò quan trọng của các cổ đông, đối tác và khách hàng. Chính sự đồng thuận, đồng hành và tiếp sức của các quý vị là nền tảng vững chắc để NBC không ngừng phát triển và hoàn thành vượt mức kế hoạch do ĐHCĐ giao.

Cuối cùng xin kính chúc sức khỏe Quý vị đại biểu;

Chúc hội nghị thành công tốt đẹp!


  
**PHẠM PHÚ CƯỜNG**



TP.HCM, ngày 02 tháng 5 năm 2019

**BÁO CÁO KẾ HOẠCH & GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2019  
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**A. Kế hoạch & giải pháp thực hiện kế hoạch năm 2019:**

**1. Nhận định chung tình hình**

- Chủ trương tham gia nhiều tổ chức kinh tế - tài chính và các hiệp định thương mại ngày càng sâu rộng, kinh tế Việt Nam chịu tác động đan xen nhiều mặt bởi các diễn biến kinh tế quốc tế đã tạo ra nhiều cơ hội và các thách thức ngày càng phức tạp, khó lường. Đồng thời, với quy mô kinh tế nhỏ, việc ứng phó với các biến động trong tương lai của Việt Nam có thể sẽ gặp khó khăn hơn bởi dư địa tài chính, tiền tệ hạn hẹp.
- Kinh tế thế giới đang tiếp tục xu hướng tăng trưởng chậm lại với các yếu tố rủi ro, thách thức gia tăng. WB; IMF và OECD đã hạ dự báo tăng trưởng kinh tế thế giới xuống 3,7% năm 2018 và 3,5% năm 2019. Tăng trưởng kinh tế của các nền kinh tế chủ chốt không còn diễn ra đồng đều trên diện rộng như năm 2017 và đầu năm 2018, động lực của các nền kinh tế lớn suy giảm, hầu hết các nền kinh tế đang nổi tăng trưởng chậm lại. Cạnh tranh chiến lược tiếp tục gia tăng quyết liệt hơn thông qua liên kết kinh tế, đồng thời bất đồng giữa các nước lớn về định hình hệ thống thương mại toàn cầu ngày càng sâu sắc. Xu hướng tăng lãi suất, biến động khó lường trên thị trường tài chính - tiền tệ quốc tế và giá dầu tiếp tục diễn biến phức tạp tác động đến tăng trưởng tín dụng, tâm lý và kỳ vọng thị trường. Kinh tế Mỹ đang quá “nóng” do đó Mỹ sẽ tiếp tục tăng lãi suất khiến đồng USD tăng giá tạo áp lực không nhỏ lên điều hành chính sách tiền tệ và tỷ giá của Việt Nam.
- Bên cạnh yếu tố về thương mại toàn cầu suy giảm, cạnh tranh chiến lược diễn biến phức tạp, xu hướng gia tăng của chủ nghĩa bảo hộ sản xuất, bảo hộ mậu dịch cùng những thay đổi về địa lý, chính trị cũng là thách thức đối với kinh tế thế giới và gây ảnh hưởng tới kinh tế Việt Nam.
- Nguồn nhân lực bổ sung ngoài ngành may nói chung và NBC nói riêng ngày càng khó khăn về chất và lượng, góp phần gây căng thẳng lao động cho doanh nghiệp. Sự chuyển dịch cơ cấu lao động ngành dệt may và sức ép tăng lương tối thiểu vùng và các chi phí khác cho người lao động cũng sẽ tạo áp lực rất lớn cho Tổng công ty.

**2. Chỉ tiêu kế hoạch năm 2019:**

TT	Diễn giải	Đvt	KH 2019
1	Doanh thu CM	USD	25,898,000
2	Tổng thu nhập	Tr.đ	3,500,000
3	Lợi nhuận trước thuế	"	88,000
4	Đầu tư	"	41,609
5	Kim ngạch XK tính đủ	1000USD	744,897
6	Kim ngạch NK tính đủ	"	111,433
6	Lao động bình quân	Người	5.100
7	Thu nhập bình quân	1000đ/ng	9,000
8	Nộp ngân sách	Tr.đ	55.000





### 3. Các giải pháp thực hiện kế hoạch năm 2019

❖ **Mục tiêu phấn đấu: Cả năm 2019 NSLĐ: 750 USD/người/tháng (tại TPHCM) và từ 580- 600 USD/người/tháng (các tỉnh).** Để thực hiện được mục tiêu trên cần có những giải pháp cơ bản:

- Tiếp tục ưu tiên đầu tư vào công tác phát triển nguồn nhân lực từ quản lý cấp chuyên trường đến Giám Đốc, Phó Giám Đốc, Trường, phó các phòng ban thông qua nguồn lực bên trong và bên ngoài để có được nguồn lực bổ sung và kế thừa một cách bền vững cho chiến lược phát triển mở rộng của Tổng công ty trong năm 2019 và trong thời gian sắp tới.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ vào sản xuất, nhanh chóng triển khai đồng bộ các giải pháp để thiết kế và sản xuất các sản phẩm mới nhằm khai thác có hiệu quả các thiết bị hiện có.

- HĐQT định hướng đề Ban Điều Hành thực hiện quyết liệt một số nhóm giải pháp liên quan tới hoạch định chiến lược phát triển, đổi mới phương thức quản lý điều hành, sản xuất kinh doanh, mở rộng thị trường, quản trị rủi ro, phát triển nguồn nhân lực, ứng dụng công nghệ khoa học kỹ thuật tiên tiến... nhằm không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, chất lượng dịch vụ, đáp ứng mọi nhu cầu cho khách hàng.

- Thu hẹp dần khoảng cách về năng suất lao động giữa các đơn vị trong toàn hệ thống NBC thông qua việc áp dụng công nghệ sản xuất Lean, đầu tư máy móc thiết bị chuyên dùng hiện đại, luân chuyển cán bộ, bổ sung lực lượng cán bộ trẻ để đáp ứng sự phát triển ngày càng lớn mạnh của Tổng Công ty.

- Chất lượng sản phẩm là sự sống còn của Tổng công ty do vậy Tổng công ty sẽ kiện toàn lại đội ngũ đánh giá chuyên nghiệp, tổ chức đánh giá toàn hệ thống nhằm tạo thế cạnh tranh trong sản xuất kinh doanh mang đến sự hài lòng của khách hàng.

- Đẩy mạnh chương trình thi đua trong lao động sản xuất, xây dựng bầu không khí làm việc vui tươi, xây dựng văn hóa doanh nghiệp, tạo sự gắn bó của người lao động với công ty nhằm ổn định sản xuất.

- Tăng cường củng cố, hoàn thiện hệ thống chất lượng bao gồm hệ thống đánh giá và hệ thống Quản trị chất lượng.

#### ❖ **Công tác đầu tư & mở rộng:**

- Tiếp tục tổ chức thực hiện công tác nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ vào sản xuất kinh doanh, nhanh chóng triển khai đồng bộ các giải pháp để thiết kế và sản xuất các sản phẩm mới nhằm khai thác có hiệu quả các thiết bị hiện có, chiếm lĩnh thị trường và nâng cao giá trị gia tăng;

- Tiếp tục đưa vào khai thác có hiệu quả các dự án mở rộng đã hoạt động như Nhà máy may Hậu Giang, nhà máy may Đức Linh, nhà máy may Sóc Trăng đồng thời tiếp tục chiến lược phát triển và mở rộng sản xuất của HĐQT khu vực Đồng bằng sông Cửu Long.

- Đầu tư nguồn nhân lực:

+ Tiếp tục tuyển chọn các ứng viên là những sinh viên khá, giỏi từ các Trường Đại học có uy tín và nguồn nội bộ từ CB - CNV thuộc hệ thống NBC có trình độ, nhiệt huyết, chịu thử thách, sẵn sàng nhận nhiệm vụ công tác ở xa, mở các lớp đào tạo phân bổ nguồn lực cho các dự án mới trong năm 2019 và trong tương lai.

+ Cải cách đội ngũ cán bộ, đào tạo và luân chuyển cán bộ, thay thế những cán bộ không theo kịp với nhịp chung của Tổng Công ty.

003  
ING C  
MA  
NHÀ  
CÓN  
CỔ P  
7-TR

#### ❖ Công tác thị trường

- Tiếp tục tập trung khai thác và chiếm lĩnh thị trường xuất khẩu đây là nhiệm vụ trọng tâm trong năm tới. Ngoài việc tiếp tục phát triển xuất khẩu sang các thị trường truyền thống như Mỹ, Châu Âu, Nhật Bản... Tổng Công ty sẽ phát triển các thị trường tiềm năng khác như Trung Quốc, Hàn Quốc... nhằm cân đối lại thị trường xuất khẩu, tránh rủi ro khi tập trung quá nhiều vào một số thị trường.

- Tăng cường hơn nữa công tác nghiên cứu, phân tích, đánh giá và dự báo thị trường; đánh giá đúng các đối thủ cạnh tranh nhằm tận dụng các cơ hội chiếm lĩnh thị trường; hạn chế rủi ro và đảm bảo phát triển bền vững.

- Đẩy nhanh việc tăng tỷ trọng hàng FOB, tập trung phát triển hàng ODM, phấn đấu trong năm 2019 tỷ trọng hàng ODM chiếm từ 30% - 35% Tổng doanh thu.

#### ❖ Công tác tài chính

- Tăng cường quản lý phân vốn của Tổng Công ty tại các đơn vị thành viên, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, kiểm soát tốt nguồn vốn lưu động đồng thời vận dụng nhạy bén và cân đối vay ngoại tệ với lãi suất tốt nhất.

- Sử dụng và xử lý tốt thông tin thị trường tài chính, lãi suất, ngoại hối, cơ cấu lại việc sử dụng vốn vay tại các tổ chức tín dụng và sử dụng các đòn bẩy tài chính để đạt hiệu quả cao.

- Đẩy mạnh công tác kiểm tra, kiểm soát để ngăn ngừa rủi ro, tiết giảm chi phí hợp lý trên cơ sở đảm bảo duy trì hoạt động hiệu quả.

- Tiếp tục giao khoán các chỉ tiêu cho các đơn vị, Phòng kế toán kiểm tra giám sát chặt chẽ các khoản chi phí khoán, khống chế chi được phép chi trong mức khoán.

- Duy trì tốt công tác hoàn thuế trong năm 2019 để giảm vốn vay lưu động.

#### ❖ Công tác nội địa và xây dựng thương hiệu:

- Tăng cường đẩy mạnh hoạt động kinh doanh và marketing, chú trọng xây dựng và phát triển chuỗi đại lý bán hàng rộng khắp cả nước để chiếm lĩnh thị trường, mở rộng thị phần đối với các sản phẩm.

- Đẩy mạnh tập trung sản xuất hàng trong nước và cố gắng chiếm lĩnh thị trường nội địa, mở rộng kênh phân phối, bán hàng online, đưa sản phẩm vào các trung tâm thương mại lớn; chọn lọc và thanh lý các đại lý không đảm bảo yêu cầu.

- Đẩy mạnh công tác quảng cáo, tạo sự kiện nhằm xây dựng quảng bá hình ảnh, thương hiệu NBC, hòa chung với cả nước trong phong trào “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”

- Tiếp tục xây dựng ngân hàng dữ liệu khách hàng nhằm lưu trữ thông tin khách hàng, để có kế hoạch xây dựng mối quan hệ với những khách hàng truyền thống; chăm sóc, hậu mãi, ưu đãi khách hàng một cách cụ thể và hiệu quả hơn.

#### ❖ Công tác tuyển dụng và đào tạo:

- Tuyển dụng, đào tạo và bổ sung đội ngũ CB-CNV trong toàn hệ thống NBC có được kỹ năng chuyên nghiệp đáp ứng mọi nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty thông qua các chương trình sau:

+ Mở các lớp đào tạo, huấn luyện nâng cao tay nghề, trình độ chuyên môn, trình độ quản lý cho CB - CNV để tăng năng suất và chất lượng sản phẩm.

+ Tuyển dụng nhân sự có chuyên môn cao, chuyên nghiệp, đáp ứng yêu cầu đầu tư tăng tốc đón đầu các Hiệp định thương mại phục vụ cho chiến lược kinh doanh, chiến lược phát triển của Tổng công ty.

#### ❖ Công tác chăm lo đời sống người lao động

- Xây dựng và phát triển đội ngũ CB – CNV trong toàn Tổng Công ty để mọi người toàn tâm toàn ý phục vụ cho quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty, đồng thời nâng cao thu nhập cho người lao động đảm bảo phù hợp với mặt bằng chung thông qua các chương trình:

+ Chăm lo tốt hơn nữa đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động bằng nhiều phong trào, các chương trình giải trí, các hình thức thi đua, được giải đáp thông tin kịp thời và được yêu cầu Giám đốc, công đoàn trả lời, nhằm tạo bầu không khí làm việc sôi nổi, có động viên tinh thần cao để mọi người cùng tham gia sản xuất, đóng góp vào sự phát triển chung của Tổng công ty.

+ Nâng cao thu nhập và các chế độ phúc lợi cho toàn thể CB-CNV trong toàn Tổng công ty phù hợp với mặt bằng chung của khu vực để ổn định sản xuất.

+ Tổ chức các chương trình đối thoại lắng nghe ý kiến đóng góp của người lao động và giải đáp thông tin kịp thời.

#### Kết luận :

Năm 2019 với dự báo tình hình kinh tế trong nước và thế giới có nhiều diễn biến phức tạp. Sự cạnh tranh ngành nghề trong khu vực đó là một trong những thách thức mà Tổng Công ty phải đối mặt. HĐQT tin tưởng rằng, với tinh thần trách nhiệm cao, sự quyết liệt trong công tác quản trị và điều hành, cùng sự nỗ lực sáng tạo của từng CB-CNV, sự tin tưởng đồng hành của khách hàng và cổ đông. NBC nhất định sẽ vượt qua những thách thức mới, khó khăn mới giữ vững đà tăng trưởng và phát triển bền vững.

Cuối cùng Kính chúc sức khỏe Quý vị đại biểu, chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



PHẠM PHÚ CƯỜNG

## **BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019**

Kính thưa toàn thể Đại hội

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty May Nhà Bè – CTCP đã được ĐHĐCĐ thông qua;
- Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động Ban Kiểm Soát Tổng Công ty May Nhà Bè;
- Căn cứ Báo cáo tài chính Năm 2018 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm Toán CPA Việt Nam thực hiện; Báo cáo Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 của Hội đồng quản trị;
- Ban Kiểm Soát xin báo cáo trước ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 của Tổng Công ty May Nhà Bè với những nội dung chính như sau:

### **PHẦN I: HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2018**

#### ***I. Ban kiểm soát gồm 03 thành viên:***

- Ông Phan Văn Hải - Trưởng BKS
- Bà Phạm Thị Thanh Phương - Thành viên BKS
- Bà Vũ Kim Chi - Thành viên BKS (thôi tham gia BKS từ 01/09/2018)
- Bà Nguyễn Thị Ngọc Thảo - Thành viên BKS (Tham gia BKS từ ngày 01/09/2018)

Ban kiểm soát đã thực hiện các nhiệm vụ nhằm bảo đảm hoạt động của Tổng Công ty phù hợp với Điều lệ, các Quy chế nội bộ và các quy định pháp luật có liên quan sát với tình hình thực tế hoạt động và phát huy hiệu quả công tác của Ban kiểm soát.

#### ***II. Hoạt động của Ban kiểm soát***

##### ***1. Thẩm tra Báo cáo tài chính và giám sát công tác hạch toán***

- Công tác hạch toán và lập Báo cáo tài chính của Tổng Công ty tuân thủ theo Luật kế toán; Theo Thông tư 200 & 202/2014/TT-BTC, áp dụng một cách nhất quán, thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý, thận trọng và tuân thủ các quy định, các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam;
- Xem xét Báo cáo tài chính định kỳ do Ban điều hành cung cấp. Từ đó, thẩm tra việc hạch toán ghi nhận doanh thu, phân bổ chi phí, phân tích đánh giá tình hình tài chính, hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình quản lý công nợ và tình hình trích lập các khoản dự phòng theo quy định;
- Tham gia phối hợp cùng đơn vị kiểm toán về phạm vi, nội dung thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm của Công ty. Thẩm định Báo cáo tài chính năm trước và sau kiểm toán nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính, đồng thời xem xét ý kiến của kiểm toán viên;

## 2. Phối hợp và giám sát tình hình hoạt động HĐQT, Ban Tổng Giám Đốc:

- HĐQT, Ban TGD đã tuân thủ đầy đủ các quy định của Pháp luật trong quản lý và điều hành. Các thành viên HĐQT, Ban TGD và cán bộ quản lý đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao theo Quy định của Điều lệ Cty và Nghị quyết của ĐHĐCĐ thông qua;
- Chủ tịch HĐQT đã ban hành các Quyết định liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty trong phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền của HĐQT. Các Quyết định của HĐQT ban hành đúng trình tự, đúng thẩm quyền và phù hợp với căn cứ pháp lý theo Quy định của pháp luật và theo Điều lệ của công ty
- Ban TGD thường xuyên báo cáo HĐQT về tình hình hoạt động của Tổng Công ty để HĐQT nắm rõ tình hình và kịp thời có ý kiến chỉ đạo cần thiết. HĐQT giám sát chặt chẽ và chỉ đạo kịp thời các hoạt động của Ban TGD đặc biệt trong công tác tổ chức, quản lý điều hành, xúc tiến đầu tư và đẩy mạnh các hoạt động sản xuất kinh doanh kịp thời và hiệu quả nhằm giảm thiểu và ngăn ngừa rủi ro, hạn chế tối đa chi phí phát sinh.
- Trưởng BKS – Thư ký của HĐQT – đã tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, kiểm tra, giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ; Nghị quyết của HĐQT đối với Ban Tổng Giám Đốc; đưa ra các kiến nghị với HĐQT, Ban TGD trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh từng quý và mục tiêu phương hướng hoạt động tiếp theo nhằm hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch đề ra.
- Trong năm 2018, Tổng Công ty không phát sinh bất cứ vấn đề tranh chấp nào liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh. Không phát sinh hợp đồng giao kết cũng như xung đột lợi ích với những người có liên quan.

## PHẦN II : KẾT QUẢ GIÁM SÁT THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018

### 1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu năm 2018 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ

TT	Diễn giải	Đvt	KH 2018	TH 2018	% TH/KH
1	Doanh thu CM	USD	27,815,000	24,816,286	89%
2	Tổng thu nhập	Tr.đ	3,500,000	3,653,810	104%
3	Lãi gộp	“	148,000	149,780	101%
	- Khấu hao	“	60,000	60,102	100%
	- Lợi nhuận trước thuế	“	88,000	89,678	102%
	- Lợi nhuận sau thuế	“	74,800	73,820	100%
4	Đầu tư	“	30,152	48,912	162%
5	Kim ngạch xuất nhập khẩu	1000USD			
	- Kim ngạch XK tính đủ	“	817,000	741,191	91%
	- Kim ngạch NK tính đủ	“	102,000	90,153	88%
6	Lao động bình quân	Người	5,100	4,643	91%
7	Thu nhập bình quân	1000đ/ng	8,800	8,700	99%
	Trong đó : Tiền lương	“	6,500	7,300	112%

8	Vốn điều lệ	Tr.đ	182,000	182,000	100%
9	LNST/VĐL	%	40.66%	40.56%	100%
10	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng	4,066	4,056	100%
11	Tỷ lệ chia cổ tức	%	20%-25%	25%	100%
12	Nộp ngân sách	Tr.đ	50,000	57,554	115%

## 2. Kết quả giám sát tình hình hoạt động tài chính của Tổng công ty

### ❖ Nhận xét

- BKS nhất trí với Báo cáo của HĐQT về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty trong năm 2018. BKS ghi nhận sự nỗ lực trong hoạt động điều hành công ty của HĐQT và Ban TGD trong năm qua, Tổng Công ty vẫn đạt được tốc độ tăng trưởng ổn định, vững chắc về cả doanh thu và lợi nhuận.
- Báo cáo tài chính của Tổng Công ty được lập một cách trung thực và hợp lý, phản ánh đúng đắn tình hình tài chính của Công ty tại các thời điểm và thời kỳ, tuân thủ nghiêm ngặt các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam
- Nhất trí với báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi của Công ty TNHH Kiểm Toán CPA Việt Nam. Đồng ý với ý kiến của kiểm toán: “Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính”.

### ❖ Một số chỉ tiêu tài chính tại Báo cáo tài chính được lập ngày 31/12/2018

- Tóm tắt một số chỉ tiêu Bảng cân đối kế toán:

*Đvt: triệu đồng*

Chỉ tiêu	Số liệu Công ty Mẹ		Số liệu Hợp nhất	
	31/12/2018	01/01/2018	31/12/2018	01/01/2018
<b>TÀI SẢN</b>				
A. Tài sản ngắn hạn	1.898.066	1.652.866	2.221.241	1,966,958
B. Tài sản dài hạn	597.860	630.404	1.148.703	1,156,445
<b>Cộng Tài sản</b>	<b>2.495.926</b>	<b>2.283.270</b>	<b>3.369.944</b>	<b>3,123,403</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
A. Nợ phải trả	2.157.013	1.960.866	2.940.336	2,726,180
B. Vốn chủ sở hữu	338.913	322.404	429.608	397.223
<b>Cộng Nguồn vốn</b>	<b>2.495.926</b>	<b>2.283.270</b>	<b>3.369.944</b>	<b>3,123,403</b>

▪ **Kết luận:**

- Tổng tài sản Tổng công ty Mẹ tính đến 31/12/2018: **2.495.926/2.283.270** tăng 109,31%.
- Tổng tài sản Hợp nhất tính đến 31/12/2018: **3.369.944/3.123.403** tăng 107,89%.

▪ **Tóm tắt một số chỉ tiêu Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh:**

Đvt: triệu đồng

Chỉ tiêu	Số liệu Công ty Mẹ		Số liệu Hợp nhất	
	Năm 2018	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2017
1. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp d.vụ	3.581.022	3.111.447	4.897.068	4.217,017
2. LN gộp về bán hàng và cung cấp d.vụ	721.687	684.315	974.979	872,174
3. LN thuần từ hoạt động kinh doanh	82.972	81.454	95.242	70,243
4. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	89.678	88.535	99.624	86,346
5. Lợi nhuận sau thuế TNDN	73.820	74.002	67.940	58,383

❖ **Đánh giá chung:**

- Sổ sách chứng từ được ghi chép và lưu trữ đầy đủ, phản ánh kịp thời tình hình hoạt động thực tế của đơn vị;
- Đơn vị thường xuyên tiến hành kiểm kê kho, tài sản của Tổng Công ty nhằm quản lý và kiểm soát chặt chẽ hơn;
- Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo hợp nhất năm 2018 được Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam kiểm toán và xác nhận tính trung thực và hợp lệ của các báo cáo tài chính của Tổng Công ty và Ban kiểm soát chưa thấy phản ảnh cần lưu ý;
- Nhận xét về các số liệu trong báo cáo tổng kết của Chủ tịch HĐQT: là đúng với số liệu trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán.

**PHẦN III : NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ VÀ KIẾN NGHỊ CỦA BKS NĂM 2018**

**1. Nhận xét, đánh giá hoạt động**

- Ban Kiểm soát thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo đúng Điều lệ tổ chức và hoạt động Tổng Công ty May Nhà Bè qui định và những điều khoản ghi trong Luật doanh nghiệp.
- Ban Kiểm soát đã làm tròn chức năng, nhiệm vụ mà các nhà đầu tư đã tin tưởng giao cho, nhất là thực hiện nhiệm vụ kiểm soát hoạt động kinh doanh và sử dụng vốn một cách có hiệu quả; cũng như thực hiện tốt các nội dung BKS đã xây dựng và trình bày trước ĐHCĐ thường niên năm 2018.
- Kết quả hoạt động của BKS trong năm 2018 có sự nỗ lực của bản thân mỗi thành viên và cũng nhờ sự tin nhiệm, hỗ trợ và tạo điều kiện của HĐQT, Ban TGD, các phòng ban, toàn thể CB.CNV Tổng Công ty May Nhà Bè;
- Thay mặt BKS, Tôi xin trân trọng cảm ơn sự tin nhiệm, hỗ trợ và tạo điều kiện của ĐHCĐ, HĐQT, Ban TGD Tổng Công ty đã giúp BKS hoàn thành tốt công việc.

## **2. Một số kiến nghị**

Ngoài những thành quả đạt được trong năm 2018 của Tổng công ty, BKS kiến nghị một số vấn đề đối với Ban TGD:

- ✓ Cần làm tốt hơn nữa công tác đánh giá hàng tồn kho để xử lý những vật tư hàng hóa không cần dùng hoặc tồn lâu năm để thu hồi vốn nhanh, tiến tới giảm lượng hàng tồn kho mức tối đa và giảm áp lực vay ngân hàng; Tỷ lệ giá trị Hàng tồn kho là 30,28% trên Tổng tài sản đối với Công ty Mẹ và 27,86% đối với Hợp nhất; Và BKS nhấn mạnh tới giá trị Hàng tồn kho ở chỉ tiêu “Bán thành phẩm dở dang”.
- ✓ Chú trọng việc đẩy mạnh công tác thu hồi nợ của khách hàng đến hạn;
- ✓ Gửi báo cáo định kỳ đúng quy định.

Trên đây là toàn bộ nội dung trong quá trình kiểm tra giám sát của BKS trong năm 2018. BKS xin báo cáo trước ĐHĐCĐ.

Cuối cùng xin gửi tới Quý cổ đông lời chúc sức khỏe, chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

Trân trọng kính chào

**TM. BAN KIỂM SÁT  
TRƯỞNG BAN**



**Phan Văn Hải**



TP, Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 5 năm 2019

## TỜ TRÌNH PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN TRÍCH LẬP QUỸ VÀ CHIA CỔ TỨC NĂM 2018

- Căn cứ điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty May Nhà Bè –CTCP thông qua ngày 22/01/2005 và được sửa đổi bổ sung ngày 19/05/2018.
- Căn cứ Báo cáo Kết quả Hoạt động Kinh doanh năm 2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm Toán CPA Việt Nam, nay HĐQT trình ĐHĐCĐ phân phối lợi nhuận năm 2018 như sau:

Đvt: VNĐ

TT	Các chỉ tiêu	Thực hiện
1	Tổng doanh thu và dịch vụ khác	3,653,810,538,055
2	Tổng chi phí	3,564,132,064,258
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	89,678,473,797
4	Thuế thu nhập doanh nghiệp	15,858,107,721
5	Lợi nhuận sau thuế	73,820,366,076
6	Trích lập các quỹ và chia cổ tức	57,311,258,572
	- Quỹ khen thưởng: 8%	5,905,629,286
	- Quỹ phúc lợi: 5%	3,691,018,304
	- Trích thưởng HĐQT và BKS: 3%	2,214,610,982
	- Chia cổ tức: 25%	45,500,000,000
7	Lợi nhuận sau khi trích lập quỹ	16,509,107,504
8	Tổng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế	80,013,321,942

Kính trình ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH *Haill*



PHẠM PHÚ CƯỜNG

TP, Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 5 năm 2019

## TỜ TRÌNH DỰ KIẾN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN TRÍCH LẬP QUỸ VÀ CHIA CỔ TỨC NĂM 2019

- Căn cứ điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty May Nhà Bè – CTCP thông qua ngày 22/01/2005 và được sửa đổi bổ sung ngày 19/05/2018;
- Căn cứ Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 của HĐQT, nay HĐQT trình ĐHĐCĐ kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2019 như sau:

Đvt: VNĐ

TT	Các chỉ tiêu	Kế hoạch
1	Tổng doanh thu và dịch vụ khác	3,500,000,000,000
2	Tổng chi phí	3,412,000,000,000
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	88,000,000,000
4	Thuế thu nhập doanh nghiệp	14,000,000,000
5	Lợi nhuận sau thuế	74,000,000,000
6	Dự kiến Các khoản trừ trước khi phân phối (chia HTKD, nộp thuế bổ sung,...)	5,400,000,000
7	Trích lập các quỹ và chia cổ tức	57,340,000,000
	- Quỹ khen thưởng: 8%	5,920,000,000
	- Quỹ phúc lợi: 5%	3,700,000,000
	- Thưởng HĐQT và BKS: 3%	2,220,000,000
	- Dự kiến chia cổ tức: 20% - 25%	45,500,000,000
8	Lợi nhuận sau khi trích lập Quỹ	11,260,000,000
9	Tổng lợi nhuận chưa phân phối lũy kế	91,273,321,942

Kính trình ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua./.

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



PHẠM PHÚ CƯỜNG

**TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 01-DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>1.898.066.586.770</b>	<b>1.652.866.416.498</b>
<b>I- Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>186.336.871.446</b>	<b>103.977.942.158</b>
1. Tiền	111		112.336.871.446	103.977.942.158
2. Các khoản tương đương tiền	112		74.000.000.000	-
<b>II- Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III- Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>896.187.548.021</b>	<b>800.627.381.000</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	752.908.623.229	649.415.339.459
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		79.506.278.054	81.719.521.898
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	63.772.646.738	70.773.723.214
7. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137		-	(1.281.203.571)
<b>IV- Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.4</b>	<b>755.793.277.631</b>	<b>716.056.207.902</b>
1. Hàng tồn kho	141		758.472.453.950	718.261.464.058
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.679.176.319)	(2.205.256.156)
<b>V- Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>59.748.889.672</b>	<b>32.204.885.438</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.5	12.098.334.859	15.732.063.351
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		45.887.162.291	14.702.012.873
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.10	1.763.392.522	1.770.809.214
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=210+220+230+240+250+260)	<b>200</b>		<b>597.860.136.488</b>	<b>630.403.702.522</b>
<b>I Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>23.392.481.961</b>	<b>56.769.114.822</b>
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.3	23.392.481.961	56.769.114.822
<b>II Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>275.667.158.269</b>	<b>269.443.321.464</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	254.495.262.020	244.692.035.196
- Nguyên giá	222		737.988.924.269	717.405.098.456
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(483.493.662.249)	(472.713.063.260)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.7	21.171.896.249	24.751.286.268
- Nguyên giá	228		42.517.700.032	41.254.610.032
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(21.345.803.783)	(16.503.323.764)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>1.220.806.728</b>	<b>20.636.297.712</b>
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.220.806.728	20.636.297.712
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5.8</b>	<b>257.458.937.476</b>	<b>245.895.803.579</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		139.535.268.520	152.908.200.274
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		84.216.920.657	58.861.989.920
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		33.706.748.299	34.125.613.385
<b>VI Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>40.120.752.054</b>	<b>37.659.164.945</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.5	40.120.752.054	37.659.164.945
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100+200)	<b>270</b>		<b>2.495.926.723.258</b>	<b>2.283.270.119.020</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
<b>A- NỢ PHẢI TRẢ</b> (300 = 310+330)	<b>300</b>		<b>2.157.013.503.605</b>	<b>1.960.866.006.869</b>
<b>I- Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>2.066.430.794.038</b>	<b>1.859.708.010.448</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.9	345.499.611.390	280.376.891.231
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		10.178.541.526	9.699.375.125
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.10	6.841.248.517	6.287.873.733
4. Phải trả người lao động	314		141.428.086.567	90.327.994.229
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.11	28.733.732.765	39.966.664.735
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.12	23.145.281.738	12.054.922.758
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.13	15.468.037.348	21.527.938.855
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.14	1.475.022.665.226	1.341.689.955.034
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	5.15	-	39.860.750.361
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		20.113.588.961	17.915.644.387
<b>II- Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>90.582.709.567</b>	<b>101.157.996.421</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331	5.9	1.464.192.588	1.023.054.500
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.12	25.029.723.468	22.869.583.121
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.13	3.885.580.092	4.794.960.183
8. Vay và nợ và thuê tài chính dài hạn	338	5.14	60.203.213.419	72.470.398.617
<b>B- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b> (400 = 410+430)	<b>400</b>		<b>338.913.219.653</b>	<b>322.404.112.151</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.16</b>	<b>338.913.219.653</b>	<b>322.404.112.151</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		182.000.000.000	182.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		182.000.000.000	182.000.000.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		31.399.897.713	31.399.897.713
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		125.513.321.940	109.004.214.438
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kì trước	421a		63.504.214.438	46.842.496.709
- LNST chưa phân phối kì này	421b		62.009.107.502	62.161.717.729
<b>II- Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300+400)	<b>440</b>		<b>2.495.926.723.258</b>	<b>2.283.270.119.020</b>

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2019

Người lập

Trưởng phòng Kế toán

Tổng Giám đốc







Võ Nguyễn Thùy Dung

Huỳnh Văn Phát

Nguyễn Ngọc Lân

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.17	3.603.967.188.954	3.123.967.323.694
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.17	22.944.734.318	12.519.468.292
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.17	3.581.022.454.636	3.111.447.855.402
4. Giá vốn hàng bán	11	5.18	2.859.335.498.946	2.427.132.305.555
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)</b>	<b>20</b>		<b>721.686.955.690</b>	<b>684.315.549.847</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.19	64.941.051.413	39.802.025.492
7. Chi phí tài chính	22	5.20	99.002.645.580	37.958.539.184
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>45.027.616.446</i>	<i>27.196.296.899</i>
8. Chi phí bán hàng	24	5.21	337.058.571.723	318.423.145.833
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.22	267.594.364.976	286.281.458.842
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}</b>	<b>30</b>		<b>82.972.424.824</b>	<b>81.454.431.480</b>
11. Thu nhập khác	31	5.23	7.847.032.006	8.045.175.772
12. Chi phí khác	32	5.23	1.140.983.033	963.696.142
<b>13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)</b>	<b>40</b>		<b>6.706.048.973</b>	<b>7.081.479.630</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)</b>	<b>50</b>		<b>89.678.473.797</b>	<b>88.535.911.110</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.24	15.858.107.721	14.533.866.193
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>73.820.366.076</b>	<b>74.002.044.917</b>

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2019

Người lập

Trưởng phòng Kế toán

Tổng Giám đốc





Võ Nguyễn Thùy Dung

Huỳnh Văn Phát

Nguyễn Ngọc Lan

**TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 (Theo phương pháp gián tiếp)  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 03-DN

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2018	Năm 2017
		VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	1	89.678.473.797	88.535.911.110
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	2	60.101.748.961	60.059.850.846
- Các khoản dự phòng	3	(40.668.033.769)	1.076.375.413
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	4	(1.731.987.334)	4.420.701
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	5	(28.892.248.095)	(44.875.491.289)
- Chi phí lãi vay	6	45.027.616.446	27.196.296.899
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	8	123.515.570.006	131.997.363.680
- Biến động các khoản phải thu	9	(96.905.434.303)	(304.764.446.949)
- Biến động hàng tồn kho	10	(40.210.989.892)	(77.557.810.616)
- Biến động các khoản phải trả	11	116.754.951.950	242.964.942
- Biến động chi phí trả trước	12	1.172.141.383	740.401.265
- Tiền lãi vay đã trả	14	(45.027.616.446)	(27.196.296.899)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(16.020.718.796)	(16.410.622.862)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(9.613.313.998)	(8.344.639.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20	<b>33.664.589.904</b>	<b>(301.293.086.439)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(54.000.179.444)	(70.388.405.584)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	8.471.598.658	47.833.658.280
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(29.765.820.066)	(13.972.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	20.202.686.169	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	27.510.734.099	22.978.908.380
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30	<b>(27.580.980.584)</b>	<b>(13.547.838.924)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
3. Tiền thu từ đi vay	33	3.537.852.938.732	2.873.901.912.524
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(3.417.072.462.549)	(2.456.187.974.110)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(45.500.000.000)	(45.500.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40	<b>75.280.476.183</b>	<b>372.213.938.414</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	50	<b>81.364.085.503</b>	<b>57.373.013.051</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	60	<b>103.977.942.158</b>	<b>46.203.334.462</b>
<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>	61	994.843.785	401.594.645
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	70	<b>186.336.871.446</b>	<b>103.977.942.158</b>

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2019

Người lập

Trưởng phòng Kế toán

Tổng Giám đốc



Võ Nguyễn Thùy Dung

Huỳnh Văn Phát

Nguyễn Ngọc Lân

**TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN**  
 Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Mẫu B 01-DN/HN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>2.221.240.575.601</b>	<b>1.966.957.725.614</b>
<b>I- Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>296.834.889.495</b>	<b>228.713.854.868</b>
1. Tiền	111		159.613.700.964	178.889.744.194
2. Các khoản tương đương tiền	112		137.221.188.531	49.824.110.674
<b>II- Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>1.900.000.000</b>	<b>2.230.240.000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121	5.2	2.000.000.000	2.000.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	5.2	(100.000.000)	(560.000.000)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.3	-	790.240.000
<b>III- Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>889.390.701.638</b>	<b>776.590.477.845</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.4	783.124.337.764	640.947.781.748
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		70.003.032.716	72.589.484.999
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	36.462.071.432	64.265.329.424
7. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137		(130.429.595)	(1.281.203.571)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		(68.310.679)	69.085.245
<b>IV- Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.6</b>	<b>939.159.871.848</b>	<b>891.252.698.714</b>
1. Hàng tồn kho	141		942.804.145.585	894.423.052.288
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.644.273.737)	(3.170.353.574)
<b>V- Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>93.955.112.620</b>	<b>68.170.454.187</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	17.544.994.750	17.859.467.421
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		67.766.502.655	44.172.222.152
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153		8.643.615.215	6.138.764.614
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 210+220+240+250+260)	<b>200</b>		<b>1.148.703.496.139</b>	<b>1.156.445.690.697</b>
<b>I Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>49.139.244.043</b>	<b>56.774.614.822</b>
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	49.139.244.043	56.774.614.822
<b>II Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>844.647.480.950</b>	<b>859.505.042.480</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	813.592.774.704	824.494.733.293
- Nguyên giá	222		1.632.549.020.875	1.571.574.363.169
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(818.956.246.171)	(747.079.629.876)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	31.054.706.246	35.010.309.187
- Nguyên giá	228		54.120.386.294	52.858.296.294
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(23.065.680.048)	(17.847.987.107)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>29.324.123.866</b>	<b>44.741.751.201</b>
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		29.324.123.866	44.741.751.201
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>102.259.242.143</b>	<b>109.623.003.112</b>
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	5.10	67.552.493.844	73.027.389.727
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5.10	33.706.748.299	32.595.613.385
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		1.000.000.000	4.000.000.000
<b>VI Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>123.333.405.137</b>	<b>85.801.279.082</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	123.333.405.137	85.801.279.082
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)</b>	<b>270</b>		<b>3.369.944.071.740</b>	<b>3.123.403.416.311</b>

**TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN**  
 Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Mẫu B 01-DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
<b>A- NỢ PHẢI TRẢ</b> (300 = 310+330)	<b>300</b>		<b>2.940.336.012.593</b>	<b>2.726.180.092.640</b>
<b>I- Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>2.578.322.775.643</b>	<b>2.331.654.315.591</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	387.510.297.666	358.776.884.571
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		46.859.503.201	32.094.341.110
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	30.238.270.324	23.588.959.401
4. Phải trả người lao động	314		294.337.867.771	188.098.410.957
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	32.574.322.776	47.920.727.717
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		23.145.281.738	12.054.922.758
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	47.720.003.478	60.723.297.177
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.15	1.686.630.411.604	1.540.696.242.942
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	39.860.750.361
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		29.306.817.085	27.839.778.597
<b>II- Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>362.013.236.950</b>	<b>394.525.777.049</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331	5.11	1.464.192.588	1.023.054.500
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		17.705.531.814	14.500.372.031
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		25.029.723.468	22.869.583.121
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.14	3.885.580.092	4.794.960.183
8. Vay và nợ và thuê tài chính dài hạn	338	5.15	312.781.285.391	346.242.839.149
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	3.470.000.000
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		1.146.923.597	1.624.968.065
<b>B- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b> (400 = 410+430)	<b>400</b>		<b>429.608.059.147</b>	<b>397.223.323.671</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	5.16	<b>429.608.059.147</b>	<b>397.223.323.671</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		182.000.000.000	182.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		182.000.000.000	182.000.000.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		46.389.848.609	45.674.075.645
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		86.602.875.905	63.332.954.145
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kì trước	421a		27.455.756.137	43.458.329.550
- LNST chưa phân phối kì này	421b		59.147.119.768	19.874.624.595
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	423		114.615.334.633	106.216.293.881
<b>II- Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)</b>	<b>440</b>		<b>3.369.944.071.740</b>	<b>3.123.403.416.311</b>

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 4 năm 2019

Người lập



Đặng Minh Tuyền

Trưởng phòng kế toán



Huỳnh Văn Phát

Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Lân



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.17	4.920.114.575.234	4.229.682.276.253
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		23.046.464.706	12.664.916.056
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.17	4.897.068.110.528	4.217.017.360.197
4. Giá vốn hàng bán	11	5.18	3.922.088.664.990	3.344.842.953.055
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)</b>	<b>20</b>		<b>974.979.445.538</b>	<b>872.174.407.142</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.19	52.454.526.534	25.637.795.252
7. Chi phí tài chính	22	5.20	142.733.598.099	70.571.779.430
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>82.579.825.304</i>	<i>57.459.836.189</i>
8. Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	24		5.734.617.984	8.124.840.323
9. Chi phí bán hàng	24	5.21	365.159.481.165	342.129.300.493
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.22	430.032.720.236	422.992.281.461
<b>11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}</b>	<b>30</b>		<b>95.242.790.556</b>	<b>70.243.681.333</b>
12. Thu nhập khác	31		25.538.462.797	26.939.009.796
13. Chi phí khác	32		21.156.686.965	10.835.962.704
<b>14. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)</b>	<b>40</b>		<b>4.381.775.832</b>	<b>16.103.047.092</b>
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)</b>	<b>50</b>		<b>99.624.566.388</b>	<b>86.346.728.425</b>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		32.161.845.542	26.337.799.253
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(478.044.468)	1.624.968.065
<b>18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>67.940.765.314</b>	<b>58.383.961.107</b>
19. Lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ	61		59.147.119.768	52.820.555.379
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		8.793.645.546	5.563.405.728
<b>18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>5.23</b>	<b>2.601</b>	<b>2.252</b>

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 4 năm 2019

Người lập



Đặng Minh Tuyên

Trưởng phòng kế toán



Huỳnh Văn Phát

Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Lân

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
 (Theo phương pháp gián tiếp)  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2018	Năm 2017
		VND	VND
<b>I. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	99.624.566.388	86.346.728.425
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02	123.263.498.003	118.580.238.336
- Các khoản dự phòng	03	(40.398.117.407)	(756.811.496)
- Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(764.225.457)	426.662.717
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(34.111.969.071)	(54.795.781.166)
- Chi phí lãi vay	06	82.579.825.304	57.459.836.189
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	230.193.577.759	207.260.873.005
- Biến động các khoản phải thu	09	(113.874.488.409)	(283.592.872.837)
- Biến động hàng tồn kho	10	(48.812.755.501)	10.653.269.381
- Biến động các khoản phải trả	11	217.047.979.054	(3.645.956.145)
- Biến động chi phí trả trước	12	(15.214.627.562)	(9.416.992.923)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(80.952.144.102)	(62.620.441.158)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(29.668.983.415)	(29.596.433.103)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	23.384.000	50.529.093
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(19.464.612.275)	(21.121.480.302)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20	<b>139.277.329.550</b>	<b>(192.029.504.989)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(121.608.836.426)	(239.081.036.131)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	8.991.999.930	80.086.831.085
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	8.535.754.445
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(33.015.820.066)	(16.122.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	20.202.686.169	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	11.719.955.296	26.982.778.869
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30	<b>(113.710.015.097)</b>	<b>(139.597.671.732)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	-	(685.320.000)
3. Tiền thu từ đi vay	33	4.247.396.950.519	3.637.158.739.022
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(4.134.469.199.440)	(3.174.552.448.235)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(71.451.673.115)	(65.408.204.026)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40	<b>41.476.077.964</b>	<b>396.512.766.761</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	50	<b>67.043.392.417</b>	<b>64.885.590.040</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	60	<b>228.713.854.868</b>	<b>163.402.922.102</b>
<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>	61	1.077.642.210	425.342.726
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	70	<b>296.834.889.495</b>	<b>228.713.854.868</b>

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 4 năm 2019

Người lập



**Đặng Minh Tuyên**

Trưởng phòng kế toán



**Huỳnh Văn Phát**

Tổng Giám đốc



**Nguyễn Ngọc Lân**